

Bản án số:04/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 05/02/2021

V/v ly hôn, tr A chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN D A
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên

Ông Trần Tuấn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về việc “Ly hôn, tr A chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1994

2.*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992

3.*Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1967

Đều ở địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện X, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Kiến Xương vào ngày 30/12/2011. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh T thường gây sự, đánh đập chị, bố mẹ anh T không can ngăn mà đứng về phía anh T để mắng chửi chị. Năm 2018 mâu thuẫn căng thẳng, chị làm đơn xin ly hôn, anh T cũng nhất trí, do lúc đó chị không có thời gian theo kiện nên đã rút đơn về song mâu thuẫn không được khắc phục. Trước khi gửi đơn đến Tòa chị đã trao đổi với anh T, anh nói chị tự giải quyết, anh không về Tòa án làm việc, hiện anh T đang làm tại TP Thái Bình. Khi biết Tòa án đang giải quyết đơn xin ly hôn của chị, ban công tác mặt trận thôn và giáo xứ cũng đã đến động viên chị rút đơn nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh T, chung sống không có hạnh phúc nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/01/2013, Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/7/2015 và Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/6/2020. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết việc ly hôn chị tạm thời chăm sóc các con. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức D vì cháu còn nhỏ, chị chưa đi làm được nên không có thu nhập ổn định. anh T hàng tháng vẫn gửi tiền để nuôi dưỡng và quan tâm đến các con nên chị nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Như Q và Đức Tộ cho anh T.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh T cố tình không đến làm việc theo giấy báo, cũng không có ý kiến về các nội dung khởi kiện của chị A.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 là bố đẻ anh T trình bày: Sau khi kết hôn anh T và chị A chung sống cùng vợ chồng ông tại xã H, năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do chị A không chịu khó lao động, chăm lo cho gia đình. anh T đi làm vẫn thường xuyên về nhà, hàng tháng đều đưa tiền để chị A lo cho các con, gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án và thông báo lại nội dung cho anh T biết. Quan điểm của gia đình và anh T không nhất trí ly hôn vì theo giáo lý của đạo Thiên

chúa không được phép ly hôn, giáo xứ và ban công tác mặt trận thôn đã đến động viên chị A; nếu chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và được Tòa án chấp nhận, nguyện vọng của gia đình giao ba con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh tại UBND xã H, huyện Kiến Xương thể hiện: Sau khi kết hôn anh T và chị A chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2018 chị A làm đơn xin ly hôn, được ban công tác mặt trận thôn và giáo xứ hòa giải nên A, chị về đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn không được khắc phục. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử cho chị A được ly hôn anh T. Về con chung: giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/01/2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/7/2015; giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/6/2020; việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết. Về T sản và nợ chung: không giải quyết trong vụ án này. Về án phí chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú xã H, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Kiến Xương vào ngày 10/02/2011 -là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thường xảy ra bất hòa nguyên nhân do tính cách không hợp, mối quan hệ giữa chị A và gia đình anh T không tốt, năm 2018 anh T và chị A mâu thuẫn căng thẳng, đã được các đoàn, hội phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Việc chị A cương quyết xin ly hôn, anh T biết nhưng chỉ thể hiện ý kiến thông qua gia đình, không trực tiếp đến Tòa án làm việc để trình bày và bảo vệ quan điểm của mình, chứng tỏ tình cảm giữa anh, chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: anh T có trách nhiệm cả về vật chất và tinh thần với các con, chị A xác định chưa tạo lập được chỗ ở và thu nhập ổn định sau ly hôn nên đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/6/2020. Xét thấy hai con chung Đức T và Như Q hiện nay đang học ổn định tại xã H, cháu Như Q có nguyện vọng được ở với anh T, anh T có thu nhập cao và ổn định hơn chị A, bố mẹ anh T cũng có nguyện vọng được chăm sóc các cháu; đối với con chung Đức D còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị A. Vì vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt của các con chung, căn cứ các điều 80,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cho A T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/01/2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/7/2015; giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/6/2020. Chị A không yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi

con, anh T không có quan điểm về việc này nên việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết trong vụ án này. anh T và chị A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng khi cần thiết.

[6] Về tài sản và nợ chung: Chị A khai không có, Tòa án không ghi được lời khai của anh T nên không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 20/01/2013 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 26/7/2015. Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 12/6/2020. Việc cấp dưỡng không đặt ra giải quyết, anh T và chị A có quyền thăm nom con chung, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về tài sản và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị A đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001740 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A có mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/02/2021. anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ